

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Miền Trung

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp làm vật liệu san lấp tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá;

Xét Văn bản số 3190/STNMT-BVMT ngày 13/4/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 725/Tr-STNMT ngày 03/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng Miền Trung (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng Miền Trung thực hiện tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hà Trung, Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng Miền Trung và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Hà Đông (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng Miền Trung

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn xây dựng Miền Trung.
- + Người đại diện: Đỗ Văn Vinh - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Số 89 đường Võ Nguyên Giáp, phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Vị trí địa lý:

Điểm góc		Hệ tọa độ VN 2000	
		X (m)	Y (m)
Khu vực mỏ: 5,99 ha	1	22 09 967.73	5 84 135.72
	2	22 09 941.77	5 83 940.92
	3'	22 09 829.65	5 83 956.64
	4'	22 09 589.28	5 84 007.78
	4	22 09 590.12	5 84 164.00
	5	22 09 729.34	5 84 164.00
	6	22 09 729.51	5 84 096.63
	7	22 09 779.94	5 84 069.21
8	22 09 847.94	5 84 141.50	

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô: Tổng diện tích thực hiện Dự án là 59.900m², bao gồm:
- Công suất: 300.000 m³/năm.
- Thời gian khai thác: Theo tiến độ thi công của dự án thi công tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa hoặc khi hết trữ lượng khai thác khoáng sản theo Giấy phép thăm dò số 45/GP-UBND ngày

04/5/2023 của UBND tỉnh; được ghi rõ trong Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.3. Công nghệ khai thác

- Mở khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác khẩu theo lớp bằng từ trên xuống dưới, công tác xúc bốc vận tải thực hiện tại chân tuyến vận chuyển bằng ô tô đến khu vực thi công tuyến đường ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hoá.

- Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc lớp đất phủ → Bóc xúc → Vận chuyển → Vị trí thi công tuyến đường ven biển đoạn Nga Sơn – Hoằng Hoá.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

- Thi công tạo mặt bằng sân công nghiệp: Diện tích: 2.000 m²;
- Thi công tạo diện công tác ban đầu: Diện tích: 410 m²;
- Tuyến đường ngoại mỏ: chiều dài 215m; rộng 8m;
- Tuyến đường nội mỏ: Chiều dài đường 674 m, chiều rộng 8,0m;
- Xây dựng công trình phục vụ khai thác:
 - + Khu nhà điều hành: diện tích 30m²;
 - + Bãi tập kết thiết bị: 1.000m²;
 - + Bãi thải: diện tích 500m²;
 - + Hồ lắng: diện tích 480m², sâu 2m.
 - + Rãnh thoát nước có kích thước chiều dài 275m, chiều rộng 1m, sâu 0,6m;

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- *Hoạt động khai thác đất là vật liệu san lấp gồm: Bóc lớp đất hữu cơ, xúc bốc, vận chuyển đất thành phẩm đến khu vực thi công tuyến đường ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hoá.*

- *Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại mỏ.*

- *Hoạt động sửa chữa máy móc trang thiết bị tại mỏ.*

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn vận hành Dự án như sau:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực khai thác, khu vực bãi thải.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động xúc bốc, vận tải.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác, vận chuyển;
- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn từ hoạt động khai thác đất, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án.
- Quá trình bóc xúc, vận chuyển đất phát sinh tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động.
- Quá trình phát quang thảm thực vật, khai thác làm mất lớp phủ thực vật, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực khai thác.

- Các rủi ro, sự cố do cháy nổ, trượt lở bờ mỏ, trượt lở bãi thải, tai nạn lao động.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (giai đoạn vận hành dự án)

3.1. Nước thải

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt khoảng $1,1\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD và tổng Nitơ (N), tổng Photpho (P), coliform,...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn ngày mưa lớn nhất khoảng $4.401,8\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là TSS.

- Nước thải từ rửa lốp bánh xe khoảng $27,4\text{m}^3/\text{ngày}$; Thành phần chủ yếu là TSS, váng dầu mỡ.

3.2. Bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bốc xúc, trút đổ đất lên xe ô tô, từ hoạt động vận chuyển đất trong khu vực mỏ, từ hoạt động vận chuyển đất thành phẩm đi tiêu thụ. Thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.3. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 8 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là túi nilon, vỏ chai, thủy tinh, thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...

- Đất thải từ quá trình khai thác khoảng $3.553,5\text{ m}^3/\text{năm}$;

- Sinh khối phát quang: 4 tấn/năm;

- Ngoài ra, còn có lượng bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, hồ lắng.

3.4. Chất thải nguy hại (CTNH)

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa... khối lượng khoảng 2 kg/tháng phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy khoảng 707 lít/năm.

3.5. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh từ hoạt động bốc xúc đất từ khu vực khai thác lên các phương tiện vận chuyển, từ hoạt động di chuyển của thiết bị, phương tiện.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải

- Nước thải nhà vệ sinh được xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động 03 ngăn, thể tích khoảng $1,0\text{ m}^3/\text{bể}$ để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý với tần suất 02 ngày/lần hoặc khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Nước trên các tầng khai thác, sân công nghiệp → Rãnh thoát nước (kích thước dài 275m, rộng 1m, sâu 0,6m) → Hồ lắng thể tích 960m^3 (tự chảy) → Hệ thống rãnh thoát nước của khu vực.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

- Bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ; các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ.

- Phun nước định kỳ cho những khu vực phát sinh bụi (khu vực khai thác; khu vực đường vận tải nội mỏ).

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Các phương tiện vận chuyển đất không chở quá trọng tải quy định và đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Khu vực khai trường bố trí khu vực rửa xe vận chuyển, các xe vận chuyển đất được rửa lốp, bánh xe với tần suất 1 chuyến/lần rửa tại khu vực gần cổng ra vào khu mỏ;

4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom vào 02 thùng chứa dung tích 60 lít/thùng có nắp đậy kín tại khu vực khai trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải thông thường phát sinh trong quá trình khai thác chủ yếu là đất bóc hữu cơ một phần được tập kết về bãi thải có diện tích 500m² (KT 50mx10m) và lưu giữ tại các moong đã khai thác hết trữ lượng đất để chứa tạm; Sử dụng để san lấp hố moong và trồng cây trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường;

- Bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước, hồ lắng không chứa thành phần nguy hại được tận dụng để trồng cây.

4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

- Trang bị ít nhất 04 thùng đựng CTNH (dung tích 200 lít/thùng) để lưu chứa chất thải nguy hại dạng lỏng và 01 thùng phuy riêng với dung tích 100 lít/thùng dán nhãn để lưu trữ chất tahr nguy hại dạng rắn

Lưu trữ tại kho chứa CTNH diện tích 3m²; Kích thước: DxR: 2mx1,5m;. Kho được thiết kế kiểu kho kín, gắn biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên lao động trực tiếp.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung.

- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân;

- Bố trí hợp lý giờ làm việc tuân thủ theo đúng quy định.

4.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tại khu vực khai trường khai thác: hàng năm, tiến hành gia cố bờ đáy mỏ khai thác và các tầng khai thác, gia cố mái taluy xung quanh khu vực khai trường đã kết thúc khai thác, hạn chế sạt lở ra khu vực xung quanh.
- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu thoát nước và hồ lắng.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mức nước trong hồ lắng (trong trường hợp mưa lớn), nhằm kịp thời xử lý các tình huống tránh sự cố xảy ra.
- Trang bị bình chữa cháy, kiểm tra đường dây, thiết bị điện, cấm hút thuốc ở gần kho vật liệu nổ công nghiệp.
- Kiểm tra định kỳ công tác PCCC và yêu cầu CBCNV tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.
- Thực hiện theo phương án ứng phó sự cố khi xảy ra sạt lở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân.

4.7. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.7.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khu vực khai thác: Xây dựng biển báo nguy hiểm; Đào mương thu nước, Bạt mái taluy, trồng cây keo tai tượng Úc trên bề mặt taluy; Khu vực moong khai thác san gạt mặt bằng và trồng cây keo tai tượng Úc;
- Khu vực xây dựng công trình: Tháo dỡ các công trình nhà điều hành, tường bao bãi thải, cột điện, đường dây điện..., di dời máy móc thiết bị, di dời máy móc thiết bị, san gạt mặt bằng, phủ đất màu và trồng cây keo tai tượng Úc.
- Tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: Gia cố tuyến đường, nạo vét mương thoát nước.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Khu vực xây dựng các công trình	Đơn vị	Khối lượng
I			
1	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0, 7x0, 7x0, 7m	cái	16
2	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	16
3	Bạt mái taluy đai bảo vệ đất cấp I	100m ³	0,775
4	Đào mương thoát nước	100m ³	10,5216
5	Bóc xúc đất màu bằng máy đào 1,6m ³	100m ³	2,35
6	Chi phí vận chuyển đất từ bãi thải về moong khai thác cự ly ≤1,0Km, đất cấp I.	100m ³	2,8237
7	San gạt mặt bằng moong khai thác bằng máy ủi 110CV	100m ³	154,95
8	Trồng cây tai tượng Úc trên mặt taluy	ha	1,1775
9	Trồng keo tai tượng Úc khu vực moong khai thác	ha	5,165
II	Khu vực xây dựng các công trình		

1	Tháo dỡ mái tôn có chiều cao < 4m	m ²	48
2	Tháo dỡ sà gồ có chiều cao < 4m	tân	0,285
3	Phá dỡ cửa, cửa chính, cửa sổ	m ²	2,6
4	Phá dỡ kết nền xi măng không cốt thép	m ³	52,5
5	Di dời máy móc thiết bị bằng ô tô 15 tấn	chuyến	5
6	Trám lấp giếng	m ³	0,88
7	Vận chuyển đồ thải ô tô 15 tấn	100m ³	
8	Lấp hồ lãng	100m ³	9,6
9	Tháo dỡ cột điện	cái	6
10	Tháo dỡ dây cáp điện	công	2
11	Tháo dỡ tường kê xung quanh bãi thải, tường xây đá hộc, tường kho chất thải nguy hại	m ³	28,7
III	Khu vực xung quanh		
1	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	0,344
2	Gia cố tuyến đường ngoại mô	100m ³	2,15

4.7.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là **585.174.356** đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

- Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa 1 lần với số tiền là **585.174.356** đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu

chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh đối với các hoạt động có rủi ro cao khác.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên thực hiện giám sát sạt lở, sụt lún, khả năng tiêu thoát nước của Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng ngừa, ứng cứu sự cố sụt lở, sự cố thiên tai, cháy nổ, tai nạn lao động, rủi ro, sự cố môi trường; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.